TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2024/DS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2024
Về Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân, ông Trương Văn Hăng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST- DS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất" và "Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"* theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 1508/2023/TB-TA, ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 635/2023/QĐ-DSST, ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1938; (vắng mặt)

2. Ông Lê Văn G, sinh năm 1970; (có mặt)

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1968; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1: Ông Lê Văn G, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 36, ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/8/2022).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H1 (Chua), sinh năm 1966 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1966 (có mặt);

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (có mặt);

4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 36, ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:*

1. Chị Lê Thị L2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

2. Cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/01/2011;

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người giám hộ cho cháu N anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị L2 (cha, mẹ của cháu N).

3. Ông Lê Văn K, sinh năm 1963 (có mặt);

4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Theo đồng nguyên đơn, gia đình có 02 thửa đất, 01 thửa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSDĐ) số 01394QSDĐ/dL, ngày 28/11/2001 mang tên Hộ Nguyễn Thị Liền, diện tích 509,7m^2 (thửa 71, tờ bản đồ số 10); 01 thửa chưa được cấp GCN.QSDĐ. Vị trí 2 thửa đất đều tọa lạc ấp V, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Quá trình sử dụng đất, phía bị đơn đã lấn chiếm chiều ngang khoảng 0,7m chạy dài dọc theo ranh 2 thửa đất từ hậu ra sông khoảng 70m. Tổng diện tích phía gia đình đồng bị đơn lấn chiếm khoảng 49m^2.

Trên phần đất lấn chiếm, gia đình đồng nguyên đơn có trồng các loại cây gồm: 01 cây chanh 01 năm tuổi; 01 cây xoài 01 năm tuổi; 01 cây me nước hơn 50 năm tuổi; 10 cây chuối. Ngày 26/4/2020 ông Nguyễn Văn Đ đã chặt hết những cây nói trên.

Đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc đồng bị đơn ông H1, bà U, anh T, anh Đ di dời nhà, vật kiến trúc trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 49m^2; yêu cầu bồi giá trị số cây bị chặt hạ là 2.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn H1 (Chua) trình bày: Gia đình ông, bà có phần đất liền kề với đất của bà Liền (mẹ ông G). Nguồn gốc phần đất này là vợ chồng ông H1, bà U mua lại của ông Nguyễn Văn Ký (cha ông H1) cách nay khoảng 31 năm. Ngoài ra, năm 2000 mua thêm của bà Nguyễn Thị Liền chiều ngang 1,5m, dài từ hậu ra sông (khoảng 80m). Phần đất từ lộ vào hậu thì đã được cấp GCN.QSDĐ số bìa 503171, số vào sổ CH 01520dL, ngày 01/6/2012, diện tích 346,2m^2 (thửa 74, tờ bản đồ 10). Theo giấy chứng nhận thì chiều ngang phần đất của gia đình không Đ phần chiều ngang là 10m, tuy nhiên phần sử dụng thực tế là chưa Đ diện tích theo giấy (hiện chỉ sử dụng chiều ngang khoảng 9,3m). Do đó ông H1, bà U không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh Đ là con của ông H1, bà U. Anh Đ đã có gia đình xây cất nhà ở riêng. Việc tranh chấp đất giữa gia đình bà Liền, ông G, bà H với ông H1, bà U thế nào anh Đ không biết, nên không có ý kiến. Còn việc đồng nguyên đơn cho rằng anh chặt hạ cây gì đó là hoàn toàn không có, do đó anh không đồng ý bồi thường.

Theo Tờ tường trình ngày 21/02/2021 anh Nguyễn Văn T trình bày: Trước đây vợ chồng anh có xây cất căn nhà trên phần đất của cha anh cặp ranh với đất của bà Liền, ông G. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng anh đi làm ăn xa không rõ sự việc, xin được xem xét.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/10/2023 ông Lê Văn K có ý kiến như sau: Phần đất ông K được cấp GCN.QSDĐ là ông mua của gia đình ông G chiều ngang 6m, mua thêm phía trên của chủ khác chiều ngang 01m. Ông xây cất nhà năm 1994. Nếu phần nhà ông xây cất có lấn chiếm đất của gia đình ông G thì xin để ông và gia đình ông G tự giải quyết. Vì khi xây cất thì ông xây Đ kích thước, khi xem Bản vẽ ông mới thấy dư phần phía trên, lấn chiếm phần phía dưới vào đất gia đình ông G.

Giai đoạn hòa giải đồng nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm 2.000.000 đồng.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2022 xác định được, phần đất đồng nguyên đơn đang sử dụng nằm liền kề phần đất gia đình đồng bị đơn.

Đối với phần đất đã được cấp GCN.QSDĐ: Trên phần đất của ông H1, bà U từ ngoài vào có sân đỗ bê tông; gian nhà chính khung gỗ, sàn nóng đá; nhà vệ sinh bê tông – gạch; chuồng trâu. Trên phần đất của đồng nguyên đơn có căn nhà của ông G, nhà bà Liền (khung gỗ, sàn nóng đá, nhà vệ sinh bê tông – gạch) và khu mộ.

Đối với phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ: Trên phần đất của đồng nguyên đơn có trồng các cây gáo, chuối…Trên phần đất của ông H1, bà U có 02 căn nhà khung gỗ, sàn nóng đá của anh Nguyễn Văn T và của anh Nguyễn Văn Đ. Phía sau nhà anh T có chuồng trâu khung gỗ, không mái che; có bệ xi măng chứa thức ăn cho trâu ăn.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa ngày 30/9/2023 đồng nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm trị giá 2.000.000 đồng. Yêu cầu đo đạc, thẩm định lại và lấy ranh phần đất đã được cấp GCN.QSDĐ đất kéo thẳng ra để làm ranh của phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ.

Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 11/10/2023 xác định được: Phía gia đình ông H1, bà U đã cắt bỏ phần thông hành gian nhà chính vào 0,5m dài dọc theo nhà; di dời trụ cột chuồng trâu sau nhà ông H1, bà U vào 0,25m; di dời chuồng trâu sau nhà anh T vào 01m và đập bỏ bệ xi măng dùng chứa thức ăn cho trâu ăn. Kết quả định giá ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng dân sự huyện An Phú xác định: Giá đất thổ cư 198.000 đồng/m^2; giá đất cây lâu năm 58.000 đồng/m^2. Các đương sự không yêu cầu định giá cây trồng và vật kiến trúc.

Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú thể hiện một phần nhà vệ sinh bê tông – gạch, sân đỗ bê tông nhà ông H1, bà U và một phần nhà khung gỗ, sàn, nóng đá nhà ông T có lấn chiếm sang

phần đất của nguyên đơn; một phần khung bó nền bê tông nhà ông K, bà M lấn chiếm phần đất của đồng nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Các ông, bà G, H, U, K và anh T thống nhất Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú; thống nhất kết quả định giá ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng dân sự huyện An phú.

Ông G, bà H yêu cầu ông H1, bà U tháo dỡ di dời phần nhà vệ sinh bê tông – gạch, sân đỗ bê tông; yêu cầu ông T tháo dỡ căn nhà sàn, nóng đá, khung gỗ để trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 49m^2. Rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường phần tài sản bị xâm phạm.

Bà U, anh T thống nhất di dời nhà, tháo dỡ vật kiến trúc để trả lại phần đất lấn chiếm cho đồng nguyên đơn theo Bản vẽ hiện trạng khu đất.

Ông G, bà H và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nhà ông K xây lấn chiếm vào phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ của nguyên đơn mà xin để tự giải quyết.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H1, anh Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Liền, bà M là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ kết quả xem xét thẩm định ngay 11/10/203 của Tòa án, Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú có căn cứ xác định: Một phần nhà vệ sinh, một phần sân đỗ bê tông của ông H1, bà U có lấn chiếm sang phần đất đã được cấp GCN.QSDĐ mang tên Hộ Nguyễn Thi Liền; một phần nhà của ông T có lấn chiếm sang phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà U, anh T tự nguyện tháo dỡ, di dời, nên đề nghị công nhận và buộc ông H1, bà U tháo dỡ phần nhà vệ sinh; phần sân đỗ bê tông lấn chiếm; buộc anh T và vợ là chị Lê Thị Liền di dời căn nhà để trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn. Đối với phần khung bó nền nhà của ông K, bà M lấn chiếm không giải quyết và đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài dản bị xâm phạm của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về Điều kiện khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01394QSDĐ/dL, ngày 28/11/2001 mang tên Hộ Nguyễn Thị Liền. Thời điểm bà Liền được cấp GCN.QSDĐ trong hộ bà liền gồm có: Nguyễn Thị Liền, Lê Thị H, Lê Văn G, nên bà Liền, bà H, ông G có quyền khởi kiện khi tài sản là quyền sử dụng đất bị xâm phạm. Bà Liền, bà H, ông G kiện ông

Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ, xác định các ông, bà Liền, H, G là đồng nguyên đơn; ông H1, bà U, anh T, anh Đ là đồng bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án được biết sống cùng trong căn nhà với anh T còn có vợ, con anh T chị Lê Thị Liền và cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như; phần đất chưa cấp GCN.QSDĐ ông G chỉ dẫn có phần khung bó nền nhà ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, nên đưa chị Liền, cháu Như, ông K, bà M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vụ việc đã được hòa giải ở cơ sở nên Đ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, đồng nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm 49m^2 và bồi thường giá trị số cây chặt hạ 2.000.000 đồng. Xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"(đòi lại đất lấn chiếm) và "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*, là tranh chấp dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đồng nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, chỉ kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn T di dời nhà, vật kiến trúc để trả lại phần diện tích đất lấn chiếm theo bản vẽ hiện trạng. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn, phù hợp quy định tại Điều 5; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên căn cứ Điều 244 để đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là phù hợp hướng dẫn tại Mục IV, Điều 7 Công văn 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[1.4] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị M, anh Nguyễn Văn Đ, chị Lê Thị Liền vắng mặt. Như vậy, ông H1, bà M, anh Đ, chị Liền đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu: Trong vụ án này các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Đồng thời, theo quy định của Luật đất đai và pháp luật dân sự, thì việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất không xác định thời hiệu.

[2] Về nội dung

[2.1] Căn cứ Hồ sơ cấp GCN.QSDĐ và Bản vẽ hiện trạng ngày 04/12/2023 có căn cứ xác định: Phần diện tích 509,7m^2 theo GCN.QSDĐ số 01394dL mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Liền (thửa 71, tờ bản đồ số 10) có vị trí tại các điểm 30, 32, 2, 62, 4; phần diện tích đất 346,2m^2 theo GCN.QSDĐ số CH01520dL mang tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị U (thửa 74, tờ bản đồ 10) có vị trí tại các điểm 64, 61, 2, 56, 33; phần đất diện tích 630,9m^2 theo GCN.QSDĐ số CH00888dL mang tên ông Lê Văn K (thửa 112, tờ bản đồ số 10) theo các điểm 94, 92, 76, 84, 74, 73, 72, 71. Các đương sự thống nhất diện tích theo giấy chứng nhận được cấp, đồng thời đồng nguyên đơn và đồng bị đơn thống nhất lấy ranh của phần đất đã được cấp GCN.QSDĐ kéo thẳng ra sông làm ranh cho phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ.

[2.2] Căn cứ Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú thể hiện:

Đối với phần đất đã được cấp GCN.QSDĐ thì phần nhà vệ sinh bê tông – gạch, sân đỗ bê tông của nhà ông H1, bà U lấn chiếm sang diện tích đất của GCN.QSDĐ số 01394dL mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Liền các vị trí, diện tích cụ thể như sau:

Phần nhà vệ sinh xây bê tông - gạch lấn chiếm 0,5m^2 theo các điểm 59, 16, 20, 58;

Phần sân tráng xi măng trước nhà lấn chiếm 0,9m^2 theo các điểm 57, 29, 32.

Đối với phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ thì nhà của anh Nguyễn Văn T lấn chiếm sang đất của đồng nguyên đơn theo các điểm 45, 98, 96, 99, 49, 48, 47, tổng diện tích 4,3m^2; khung bó nền bê tông nhà ông K lấn chiếm vào đất của đồng nguyên đơn theo các điểm 91, 92, 100, 54, 90, 101, diện tích 3,8m^2.

Tại phiên tòa bà U đồng ý tháo dỡ phần nhà vệ sinh và phần sân đỗ bê tông lấn chiếm và không yêu cầu hỗ trợ; anh T đồng ý di dời căn nhà ra khỏi phần đất lấn chiếm và không yêu cầu hỗ trợ. Ông G, bà H cũng thống nhất sự tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà và các vật kiến trúc của bà U và anh T. Do đó công nhận sự thỏa thuận này của đương sự.

Đối với phần khung bó nền bê tông nhà ông K, bà M có lấn chiếm vào phần đất của gia đình đồng nguyên đơn 3,8m^2 nhưng do ông G, bà H và ông K xin để tự giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Tóm lại, ông H1, bà U có trách nhiệm tháo dỡ phần sân đỗ bê tông lấn chiếm 0,9m^2 và phần diện tích nhà vệ sinh lấn chiếm 0,5m^2 để trả lại 1,4m^2 đất lấn chiếm cho đồng nguyên đơn. Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Liền có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà để trả lại 4,3m^2 đất lấn chiếm cho đồng nguyên đơn.

Do đồng nguyên đơn kiện yêu cầu tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc để trả lại đất lấn chiếm, không yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, nên không xem xét giải quyết việc công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ. Tuy nhiên theo Công văn số 1160/UBND-NC, ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Phú thì phần đất chưa được cấp GCN.QSDĐ của đồng nguyên đơn và đồng bị đơn được thể hiện trong Bản vẽ sẽ được cấp GCN.QSDĐ nếu Đ điều kiện theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013. Do đó các đương sự có thể đăng ký để được cấp GCN.QSDĐ theo quy định.

Ngoài ra, Theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú, thì phần đất ông H1, bà U chỉ dẫn theo các điểm 31, 33, 1, 3 có lấn chiếm sang diện tích đất của các ông Phạm Ngọc Đơ 0,7m^2; ông Phạm Văn Thời 0,3m^2; ông Phạm Văn Tư 18,8m^2. Tuy nhiên do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo mức án phí không có giá nghạch. Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, đồng nguyên đơn thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí

theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về chi phí tố tụng: Do bị đơn ông H1, bà U, anh T có lỗi trong việc xây cất lấn chiếm nên phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá là 3.354.568 đồng. Trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn ông G đã tạm ứng 2.554.568 đồng; ông H1, bà U tạm ứng 800.000 đồng. Do phần chi phí tố tụng này không thể xác định được theo phần của từng người, đồng thời đồng bị đơn là người cùng trong gia đình (vợ, chồng, con). Do đó buộc ông H1, bà U, anh T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông G 2.554.568 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 100, 202, 203; khoản 5, khoản 7 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 147, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1, ông Lê Văn G và bà Lê Thị H,

1. Buộc ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị U tháo dỡ phần diện tích nhà vệ sinh xây bê tông - gạch theo các điểm 59, 16, 20, 58 (0,5m^2); phần sân tráng nền xi măng theo các điểm 57, 29, 32 (0,9m^2) Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú để trả lại 1,4m^2 đất lấn chiếm cho đồng nguyên đơn.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị L2 tháo dỡ, di dời căn nhà ra khỏi phần đất lấn chiếm theo các điểm 45, 98, 96, 99, 49, 48, 47 Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú để trả lại 4,3m^2 đất lấn chiếm cho đồng nguyên đơn.

Thời hạn tháo dỡ, di dời là 06 tháng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm (đình chỉ phần yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng).

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị U liên đới chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Đồng nguyên đơn bà Nguyễn L1, ông Lê Văn G, bà Lê Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả chi phí đo đạc, thẩm định, định giá cho đồng nguyên đơn

2.554.568 *(Hai triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm sáu mươi bốn)* đồng. (Ông Lê Văn G là người được đại diện nhận).

6. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Lê Văn G, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn T, ông Lê Văn K. Thời hạn kháng cáo của bà L1, ông G, bà H, bà U, anh T, ông K là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

(Kèm theo Bản án này có bản sao Bản vẽ hiện trạng ngày 04/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Sáu